

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của UBND phường Cẩm Lệ)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	357.429.000	TỔNG SỐ CHI	343.937.791
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	13.540.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	15.883.000	II. Chi thường xuyên	317.642.210
III. Thu bổ sung	326.565.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau	24.835.909
- Bổ sung cân đối	67.841.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	1.459.672
- Bổ sung có mục tiêu	258.724.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
IV. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã	1.441.000		
Kết dư ngân sách	13.491.209		

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của UBND phường Cẩm Lệ)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1*100	6=4/2*100
	TỔNG THU	12.681.000	79.399.000	295.624.000	357.429.000	2.331,2	450,2
I	Các khoản thu 100%	6.074.000	6.074.000	23.144.000	13.540.000	381,0	222,9
-	Phí, lệ phí	70.000	70.000	2.905.000	403.000	4.150,0	575,7
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.860.000	5.860.000	14.858.000	9.968.000	253,5	170,1
-	Thu khác	144.000	144.000	5.381.000	3.168.000	3.736,8	2.200,0
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	6.607.000	5.484.000	271.039.000	15.883.000	4.102,3	289,6
1	Các khoản thu phân chia	6.607.000	5.484.000				-
-	Thuế giá trị gia tăng	3.733.000	3.098.000	116.597.000	9.716.000	3.123,4	313,6
-	Thuế thu nhập Doanh nghiệp	276.000	230.000	31.284.000		11.334,8	-
-	Thuế thu nhập cá nhân	2.598.000	2.156.000	59.775.000	5.892.000	2.300,8	273,3
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt			676.000	275.000		
-	Thuế Tài nguyên			544.000			
-	Lệ phí trước bạ			41.541.000			
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			683.000			
-	Thu tiền sử dụng đất			19.939.000			
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			1.441.000	1.441.000		

V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	67.841.000		326.565.000		481,4
	- Thu bổ sung cân đối		67.841.000		67.841.000		100,0
	- Thu bổ sung có mục tiêu				258.724.000		

diemntt1 - 18/08/2026 14:33:48 - diemntt1 - diemntt1 - diemntt1

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của UBND phường Cẩm Lệ)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1*100	8=5/2*100	9=6/3*100
	TỔNG CHI	79.399.000		79.399.000	342.478.119		342.478.119	431,3		431,3
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	475.000		475.000	158.375.121		158.375.121	33.342,1		33.342,1
2	Chi khoa học và công nghệ	-			-					
3	Chi y tế, dân số và gia đình	615.000		615.000	6.037.614		6.037.614	981,7		981,7
4	Chi văn hóa, thông tin	2.940.000		2.940.000	2.778.811		2.778.811	94,5		94,5
5	Chi phát thanh, truyền thanh	-			-					
6	Chi thể dục thể thao	662.000		662.000	414.084		414.084	62,6		62,6
7	Chi bảo vệ môi trường	921.000		921.000	5.103.810		5.103.810	554,2		554,2
8	Chi các hoạt động kinh tế	3.408.000		3.408.000	19.533.003		19.533.003	573,2		573,2
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	52.144.000		52.144.000	85.621.876		85.621.876	164,2		164,2
10	Chi Quốc phòng	6.000.000		6.000.000	6.597.902		6.597.902	110,0		110,0
11	Chi An ninh trật tự an toàn xã hội	8.172.000		8.172.000	7.916.779		7.916.779	96,9		96,9
12	Chi cho công tác xã hội	1.571.000		1.571.000	23.484.758		23.484.758	1.494,9		1.494,9
13	Chi khác	2.491.000		2.491.000	1.778.452		1.778.452	71,4		71,4
14	Dự phòng ngân sách	-								
15	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	-			24.835.909		24.835.909			